

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ T
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 15/09/2022

“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ T, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Tuấn.

2. Bà Lương Thị Kim Ngân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thùy Trang, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Huy Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 09 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 84/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2022 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2022/QĐXXST-HN ngày 19 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2022/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1990; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 18, ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang. Địa chỉ: Tổ 27, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Tổ 18, ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang.

Chị L có mặt; Anh T vắng mặt lần thứ hai không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Huỳnh Thị Kim L trình bày: Chị L và anh T tự tìm hiểu, quen biết nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới vào năm 2010. Chị L và anh T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã T, tỉnh An Giang theo

giấy chứng nhận kết hôn số 259/2012, quyển số 02/2012 ngày 07/12/2012. Sau khi cưới, vợ chồng chị L và anh T chung sống tại ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang. Thời gian đầu, vợ chồng chị L và anh T chung sống hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm. Vì thế, chị L cùng các con đã trở về nhà mẹ ruột chị tại tổ 27, ấp C, xã D, huyện E, tỉnh An Giang sống cho đến nay. Nhận thấy, hôn nhân giữa chị L và anh T đã không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh T có 03 (ba) con chung tên Trần Thanh V, sinh ngày 20/3/2011; Trần Huỳnh Kim X, sinh ngày 29/12/2013 và Trần Huỳnh Tổ N, sinh ngày 14/01/2017. Chị L yêu cầu nuôi dạy ba con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng anh Trần Văn T trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến hôn nhân như chị Tươi trình bày. Thời gian đầu, anh T và chị L chung sống hạnh phúc, đến tháng 02/2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp. Anh T mong muốn được hàn gắn tình cảm gia đình với chị L.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, anh T và chị L có 03 (ba) con chung tên Trần Thanh V, sinh ngày 20/3/2011; Trần Huỳnh Kim X, sinh ngày 29/12/2013 và Trần Huỳnh Tổ N, sinh ngày 14/01/2017.

Anh T mong muốn hàn gắn tình cảm gia đình với chị L, để cùng chị L nuôi dạy các con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử công bố biên bản xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung giữa chị L và anh T tại Ban nhân dân ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang và Ban nhân dân ấp C, xã D, huyện E, cụ thể:

Biên bản xác minh ngày 24/6/2022, tại ban nhân dân ấp A, xã B, thị xã T cung cấp: Vợ chồng (L - T) mâu thuẫn như thế nào thì ban ấp không rõ, do vợ chồng (L - T) ít khi sinh sống tại địa phương.

Về con chung, chị L và anh T có ba con chung tên Trần Thanh V, sinh ngày 20/3/2011; Trần Huỳnh Kim X, sinh ngày 29/12/2013 và Trần Huỳnh Tổ N, sinh ngày 14/01/2017. Hiện các con chung đang sống với chị L và được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu.

Anh T là công dân luôn chấp hành tốt tại địa phương, đồng thời, không thấy anh T có biểu hiện vi phạm pháp luật ở địa phương.

Biên bản xác minh ngày 01/07/2022, tại ban nhân dân ấp C, xã D, huyện E cung cấp:

Chị Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1990 có chồng là anh Trần Văn T, sinh năm 1981 ở ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang. Chị L và anh T thường X sinh sống tại khu vực ấp C, xã D, huyện E, tỉnh An Giang từ năm 2016 cho đến nay.

Thời gian sinh sống tại địa phương, chị L và anh T có cãi nhau do bất đồng quan điểm về tình cảm do anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Sau đó, được gia đình hàn gắn, chị L và anh T sống với nhau. Đến khoảng năm 2020, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng do tiếp tục bất đồng quan điểm sống về kinh tế. Anh T ít quan tâm đến cuộc sống gia đình, kinh tế chủ yếu do L tự tạo và một phần nhờ gia đình L hỗ trợ.

Trong thời gian chung sống, chị L và anh T có ba con chung tên Trần Thanh V, sinh năm 2011; Trần Huỳnh Kim X, sinh năm 2013 và Trần Huỳnh Tố N, sinh năm 2017. Hiện các con chung đang được chị L và gia đình chăm lo. Các con chị L được ngoan ngoãn, lễ phép.

Chị L và gia đình hiện nay có kinh tế ổn định, đủ điều kiện để nuôi con. Ở địa phương, chị L và gia đình là công dân tốt, chấp hành tốt quy định tại địa phương. Cuộc sống vợ chồng của chị L và anh T không hạnh phúc từ năm 2020 cho đến nay. Mặc dù vợ chồng sống chung nhưng kinh tế tự ai nấy lo, anh T không phụ giúp gia đình.

- Phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ việc đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan về việc xét xử vụ việc.

Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

+ Về việc giải quyết vụ án hôn nhân gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Huỳnh Thị Kim L và anh Trần Văn T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, cuộc sống hôn nhân của chị L và anh T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó việc chị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T là có cơ sở, nên chấp nhận.

- *Về quan hệ con chung:* Có 03 người con, Trần Thanh V, sinh ngày 20/03/2011, Trần Huỳnh Kim X, sinh ngày 29/12/2013, Trần Huỳnh Tố N, sinh ngày 14/01/2017. Hiện các con đang sống chung với chị L. Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi các cháu và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Đồng thời các con của chị L và anh T có nguyện vọng sống với mẹ. Xét thấy, theo nguyện vọng của các cháu V và X khi cha mẹ của các cháu ly hôn các cháu V và X yêu cầu được tiếp tục chung sống với chị L. Do đó, để ổn định cuộc sống của hai cháu đề nghị giao các cháu V, X, N cho chị L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn với anh Trần Văn T của chị Huỳnh Thị Kim L.

- *Về quan hệ con chung*: Chị Huỳnh Thị Kim L được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Thanh V, sinh ngày 20/03/2011, Trần Huỳnh Kim X, sinh ngày 29/12/2013, Trần Huỳnh Tố N, sinh ngày 14/01/2017. Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- *Về án phí*: Đương sự phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

****Về tố tụng:***

[1] Về thẩm quyền: Chị Huỳnh Thị Kim L khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn T. Anh T có địa chỉ tại tổ 18, ấp A, xã B, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Văn T được tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn như theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

**** Về nội dung:***

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Chị L và anh T tự tìm hiểu, yêu thương nhau, được cha mẹ hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới vào năm 2010. Chị L và anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã T, tỉnh An Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 259/2012, quyển số 02/2012 ngày 07/12/2012. Xét thấy, hôn nhân giữa chị L và anh T hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Chị L khai, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng qua điểm sống về tình cảm. Chị L và anh T sống xa nhau từ năm 2021 cho đến nay.

Biên bản xác minh ngày 01/07/2022, tại ban nhân dân ấp C, xã D, huyện E: Thời gian sinh sống tại địa phương, chị L và anh T có cãi nhau do bất đồng quan điểm về tình cảm do anh T có mối quan hệ với người phụ nữ khác. Sau đó, được gia đình hàn gắn, chị L và anh T sống với nhau. Đến khoảng năm 2020, mâu thuẫn phát sinh trầm trọng do tiếp tục bất đồng quan điểm sống về kinh tế. Anh T ít quan tâm đến cuộc sống gia đình, kinh tế chủ yếu do Loan tự tạo và một phần nhờ gia đình Loan hỗ trợ.

Vợ chồng có nghĩa vụ chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng hạnh phúc. Cuộc sống vợ chồng của chị L và anh T phát sinh mâu thuẫn đã lâu và sống xa nhau từ năm 2021 cho đến nay. Tòa án tổ chức hòa giải để tạo điều kiện cho chị L và anh T hàn gắn tình cảm, nhưng anh T chỉ tham gia hòa giải lần đầu, các lần hòa giải sau anh T đều vắng mặt.

Tình trạng vợ chồng chị L và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì hôn nhân thì khó xây dựng được gia đình hòa thuận, hạnh phúc và bền vững. Xét, cho chị L ly hôn với anh T là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh T có 03 (ba) con chung tên Trần Thanh V, sinh ngày 20/3/2011; Trần Huỳnh Kim X, sinh ngày 29/12/2013 và Trần Huỳnh Tổ N, sinh ngày 14/01/2017. Hiện các cháu V, X và N đang được chị L nuôi dạy.

Khi ly hôn chị L yêu cầu được nuôi dưỡng ba cháu V, X và N và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, theo xác nhận của địa phương ngày 01/7/2022, chị L có việc làm ổn định, có kinh tế nuôi dạy các con chung đến lúc trưởng thành. Và các cháu V, X có nguyện vọng sống chung với chị L.

Xét, giao các cháu V, X và N cho chị L nuôi dạy, anh T không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Chị L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L và anh T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Huỳnh Thị Kim L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị Kim L.

Chị Huỳnh Thị Kim L được ly hôn với anh Trần Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 259/2012, quyền số 02/2012 ngày 07/12/2012, do Ủy ban nhân dân xã B, thị xã T, tỉnh An Giang cấp cho chị Huỳnh Thị Kim L và anh Trần Văn T không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị L và anh T có 03 (ba) con chung tên Trần Thanh V, sinh ngày 20/3/2011; Trần Huỳnh Kim X, sinh ngày 29/12/2013 và Trần Huỳnh Tố N, sinh ngày 14/01/2017.

Chị Huỳnh Thị Kim L được tiếp tục nuôi dạy con chung tên Trần Thanh V, sinh ngày 20/3/2011; Trần Huỳnh Kim X, sinh ngày 29/12/2013 và Trần Huỳnh Tố N, sinh ngày 14/01/2017 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động; Anh Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Huỳnh Thị Kim L cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Kim L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí

số 0006190 ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã T, tỉnh An Giang; Chị L đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Văn T không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị L là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Thời hạn kháng cáo của anh T là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND TX. T (02);
- Chi cục THADS TX. T (01);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- UBND nơi đăng ký kết hôn (01);
- Lưu văn phòng (2);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Dương